

BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG NGANG TRONG THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN: BÌNH LUẬN TỪ NGHỊ ĐỊNH SỐ 253/2026/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ SỐ 87/2026/TT-BTC

NÔNG THỊ KHANG

Luật sư Trưởng Văn phòng Luật sư Phúc Hoàng Khang

Managing Lawyer, Phuc Hoang Khang Law Office

Ngày nhận bài: 11/6/2026

Ngày sửa bài: 27/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 15/7/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích việc bảo đảm nguyên tắc công bằng ngang trong pháp luật thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam thông qua đánh giá các quy định mới tại Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và Thông tư số 87/2026/TT-BTC. Nghiên cứu tập trung làm rõ cơ chế giảm trừ đối với các yếu tố liên quan đến chi phí y tế, giáo dục và trách nhiệm nuôi dưỡng, đồng thời chỉ ra những vấn đề đặt ra từ việc áp dụng ngưỡng thu nhập cố định 3 triệu đồng/tháng đối với người phụ thuộc trong bối cảnh chi phí sinh hoạt có sự biến động. Trên cơ sở đối chiếu với kinh nghiệm của Úc và Liên minh châu Âu (EU), bài viết đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân theo hướng tăng tính linh hoạt của mức giảm trừ, nghiên cứu áp dụng cơ chế điều chỉnh phù hợp với biến động kinh tế và bảo đảm sự tương thích giữa nghĩa vụ thuế với năng lực nộp thuế thực tế của người dân.

Từ khóa: thuế thu nhập cá nhân, công bằng ngang, hiệu ứng vách đá, lực cản tài khóa, xói mòn lợi ích, Nghị định số 253/2026/NĐ-CP

Ensuring horizontal equity in personal income taxation: Commentary on Decree No. 253/2026/ND-CP and Circular No. 87/2026/TT-BTC

Abstract:

This study evaluates horizontal equity in Vietnam's personal income tax law, focusing on Decree No. 253/2026/ND-CP and Circular No. 87/2026/TT-BTC. Although the new regulations recognize medical, educational, and dependent-care expenses, the fixed monthly income threshold of VND 3 million for dependents may create a cliff effect, fiscal drag, and benefit erosion. A minor increase in a dependent's income may therefore eliminate the entire deduction and produce a disproportionate rise in the taxpayer's liability. Drawing on Australia's Zone Tax Offset and indexation practices in the European Union, the study recommends introducing gradually reduced deductions, automatic indexation based on inflation, and regional adjustments reflecting differences in living costs. These reforms would better align tax obligations with taxpayers' actual ability to pay and strengthen flexibility, transparency, and horizontal equity in Vietnam's personal income tax system.

Keywords: personal income tax, horizontal equity, cliff effect, fiscal drag, benefit erosion, Decree No. 253/2026/ND-CP

1. Đặt vấn đề

Thuế thu nhập cá nhân không chỉ tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước mà còn là công cụ vĩ mô để điều tiết thu nhập và phân bổ gánh nặng tài chính. Do đó, tính hợp lý của thuế thu nhập cá nhân không chỉ được đánh giá trên cơ sở số tiền thu ngân sách mà còn phải được xem xét từ yêu cầu công bằng trong việc xác định thu nhập tính thuế, mức giảm trừ và nghĩa vụ thuế cuối cùng. Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 quy định thuế đối với tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được tính trên tổng thu nhập chịu thuế sau khi trừ các khoản bảo hiểm và các khoản giảm trừ theo luật định. Luật đồng thời áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần gồm 5 bậc, từ 5% đến 35%. Trong cơ chế này, giảm trừ gia cảnh có ý nghĩa trực tiếp đối với việc xác định năng lực nộp thuế. Luật quy định mức giảm trừ cho người nộp thuế là 15,5 triệu đồng/tháng và mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc là 6,2 triệu đồng/tháng. Mới đây, Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và Thông tư số 87/2026/TT-BTC đã được ban hành nhằm cụ thể hóa các điều kiện về người phụ thuộc và các khoản chi phí được giảm trừ.

Tuy nhiên, việc duy trì một hạn mức định lượng cứng - điển hình là ngưỡng thu nhập 3 triệu đồng/tháng để xác định tư cách người phụ thuộc - đang đặt ra một thách thức lớn đối với tính công bằng. Bài viết này tập trung giải quyết 3 vấn đề: (i) Phân tích nội hàm công bằng ngang và khung lý thuyết; (ii) Phân tích bất cập từ Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và Thông tư số 87/2026/TT-BTC (iii) Rút ra bài học lập pháp từ các nước EU và Úc để đề xuất giải pháp cải cách.

2. Cơ sở lý thuyết về công bằng ngang và điều chỉnh thuế thu nhập cá nhân

Về nguyên tắc công bằng (Equity in Taxation), công bằng thuế thường được xem xét trên 2 phương diện, gồm công bằng ngang và công bằng dọc. Theo đó, công bằng ngang yêu cầu những người ở trong hoàn cảnh tương đương phải được đối xử tương đương và công bằng dọc yêu cầu những người có năng lực tài chính khác nhau phải chịu nghĩa vụ khác nhau, trong đó người có khả năng đóng góp cao hơn phải chịu gánh nặng lớn hơn. Quan niệm này được Báo cáo Asprey sử dụng để phân biệt giữa việc đối xử như nhau đối với người ở cùng tình trạng và đối xử khác nhau đối với người ở những tình trạng khác nhau. Nghiên cứu về ưu đãi thuế khu vực của Úc cũng nhấn mạnh việc áp dụng một chế độ thuế giống nhau đối với người sống ở đô thị và người sống tại vùng xa có thể bỏ qua khác biệt về điều kiện môi trường, xã hội và kinh tế.

Tuy nhiên, không thể kết luận mọi khác biệt về nơi cư trú đều phải dẫn đến khác biệt về nghĩa vụ thuế. Vấn đề quyết định là liệu sự khác biệt đó có làm thay đổi năng lực đóng góp thực tế hay không. Ví dụ: Khi 2 người cùng nhận 30 triệu đồng/tháng có thu nhập danh nghĩa bằng nhau. Nhưng nếu một người phải trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ không có khả năng lao động, chi trả chi phí y tế thường xuyên và nuôi con đang học tập thì phần thu nhập thực sự có thể sử dụng cho tiêu dùng cá nhân sẽ thấp hơn đáng kể. Nếu pháp luật không ghi nhận các chi phí bắt buộc đó, việc áp dụng cùng một số thuế có thể tạo ra bình đẳng về hình thức nhưng không bảo đảm công bằng ngang về thực chất.

Trong thuế thu nhập cá nhân, khả năng đóng góp của người nộp thuế không được xác định đơn thuần dựa trên toàn bộ khoản tiền hoặc lợi ích mà cá nhân nhận được. Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân, cần phân biệt giữa thu nhập chịu thuế và thu nhập tính thuế. Thu nhập chịu thuế là các khoản thu nhập thuộc diện điều tiết thuế theo Điều 3 của Luật, sau khi loại trừ các khoản thu nhập được miễn thuế. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú, thu nhập tính thuế là phần thu nhập chịu thuế còn lại sau khi trừ các khoản bảo hiểm bắt buộc, giảm trừ gia cảnh và các khoản giảm trừ khác được pháp luật cho phép. Giảm trừ gia cảnh vì vậy là công cụ pháp lý nhằm ghi nhận một phần nhu cầu sinh hoạt của bản

thân người nộp thuế và trách nhiệm nuôi dưỡng người phụ thuộc trước khi xác định nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, pháp luật thuế thu nhập cá nhân không xác định nghĩa vụ thuế trên cơ sở toàn bộ chi phí sinh hoạt thực tế của từng cá nhân. Chỉ các khoản được luật liệt kê hoặc cho phép giảm trừ mới làm giảm thu nhập tính thuế. Do đó, khi đánh giá công bằng ngang, vấn đề cần xem xét không phải là pháp luật có bảo đảm toàn bộ phần thu nhập còn lại sau mọi chi phí thiết yếu hay không, mà là các khoản miễn thuế, giảm trừ và mức giảm trừ hiện hành có phản ánh hợp lý sự khác biệt về nghĩa vụ nuôi dưỡng và khả năng đóng góp của người nộp thuế hay không.

Luật hiện hành quy định mức giảm trừ gia cảnh bằng số tiền tuyệt đối và cho phép điều chỉnh căn cứ vào biến động giá cả, thu nhập. Tuy nhiên, đây chưa phải cơ chế tự động. Việc điều chỉnh phụ thuộc vào quy trình đề xuất và quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu giá cả tăng nhưng mức giảm trừ không thay đổi tương ứng, giá trị thực của khoản giảm trừ sẽ giảm. Khi đó, người nộp thuế phải dành tỷ lệ lớn hơn trong thu nhập cho nhu cầu thiết yếu, nhưng phần thu nhập được loại khỏi cơ sở tính thuế vẫn không đổi. Tình trạng này liên quan đến 2 hiện tượng: (i) lực cản tài khóa (Fiscal drag), khi thu nhập danh nghĩa tăng theo lạm phát, cá nhân có thể chuyển sang bậc thuế cao hơn dù sức mua thực tế không tăng tương ứng; (ii) xói mòn lợi ích ((Benefit erosion), khi các mức giảm trừ hoặc ngưỡng đủ điều kiện không được điều chỉnh, giá trị thực của quyền lợi thuế giảm dần. Nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu chung thuộc Ủy ban châu Âu chỉ ra, một phần đáng kể mức tăng tiền lương danh nghĩa có thể bị triệt tiêu bởi lực cản tài khóa và xói mòn phúc lợi. Các cơ chế chỉ số hóa hiện có giúp giảm lực cản tài khóa nhưng không loại bỏ hoàn toàn tác động này. Như vậy, vấn đề của pháp luật Việt Nam không nằm ở việc quy định một mức tiền cụ thể tại thời điểm ban hành, mà ở chỗ chưa có công thức và thời điểm điều chỉnh đủ minh bạch để duy trì giá trị thực của mức tiền đó.

Theo Thông tư số 87/2026/TT-BTC, mức thu nhập bình quân tháng trong năm của một số nhóm người phụ thuộc không được vượt quá 3 triệu đồng. Cách thiết kế này được hiểu: nếu thu nhập của người phụ thuộc không vượt quá 3 triệu đồng (dưới hoặc bằng) thì người nộp thuế được hưởng toàn bộ khoản giảm trừ; nếu thu nhập vượt ngưỡng thì quyền giảm trừ có thể bị loại bỏ toàn bộ. Đây là hiệu ứng vách đá, bởi một thay đổi nhỏ về thu nhập của người phụ thuộc có thể dẫn đến thay đổi lớn về quyền lợi thuế của người nuôi dưỡng.

Ví dụ: người phụ thuộc có thu nhập tăng từ 2,9 triệu đồng lên 3,1 triệu đồng mỗi tháng. Thu nhập tăng thêm chỉ là 200.000 đồng, tương đương 2,4 triệu đồng/năm. Tuy nhiên, nếu người nộp thuế mất toàn bộ mức giảm trừ 6,2 triệu đồng/tháng, thu nhập tính thuế có thể tăng thêm tối đa 74,4 triệu đồng/năm. Số thuế tăng thực tế phụ thuộc vào bậc thuế của người nộp thuế. Nếu phần thu nhập tăng thêm chịu thuế suất biên 10%, số thuế tăng khoảng 7,44 triệu đồng/năm; nếu chịu thuế suất biên 20%, số thuế tăng khoảng 14,88 triệu đồng/năm. Như vậy, việc người phụ thuộc tăng thu nhập thêm 2,4 triệu đồng có thể khiến tổng thu nhập khả dụng của hộ gia đình giảm.

Vấn đề ở đây không phải mọi ngưỡng đều bất hợp lý mà pháp luật cần một ngưỡng để xác định người phụ thuộc. Nhưng ngưỡng đó nên được thiết kế sao cho nghĩa vụ thuế thay đổi tương đối liên tục và không tạo động cơ che giấu thu nhập hoặc từ chối các cơ hội việc làm nhỏ.

3. Đánh giá quy định của Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và Thông tư số 87/2026/TT-BTC

3.1. Ngưỡng thu nhập của người phụ thuộc và vấn đề bảo đảm công bằng ngang

Tại Điểm c Khoản 2 và Điểm a, b Khoản 3 Điều 47 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP, điều kiện để xác định người phụ thuộc là cá nhân không có thu nhập hoặc thu nhập bình quân không vượt quá mức do Bộ

Tài chính quy định. Cụ thể hóa điều khoản này, Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 87/2026/TT-BTC ấn định: mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập của người phụ thuộc không vượt quá 3 triệu đồng.

Quy định này cho thấy, nếu thu nhập của cha mẹ người nộp thuế là 2,9 triệu đồng/tháng, người nộp thuế được hưởng toàn bộ mức giảm trừ. Tuy nhiên, nếu người phụ thuộc được tăng lương hưu lên mức 3,1 triệu đồng/tháng (chỉ vượt ngưỡng 100.000 đồng), người nộp thuế lập tức mất đi toàn bộ khoản giảm trừ gia cảnh. Sự chênh lệch thu nhập vi mô của người phụ thuộc lại dẫn đến sự gia tăng nghĩa vụ thuế khổng lồ cho người nuôi dưỡng, phá vỡ hoàn toàn tính liên tục và sự công bằng của hệ thống thuế.

3.2. Mức giảm trừ gia cảnh và chi phí sinh hoạt tại các đô thị lớn

Việc ấn định mức giảm trừ đối với người phụ thuộc là 3 triệu đồng/tháng theo Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và Thông tư số 87/2026/TT-BTC đặt ra vấn đề về mức độ phù hợp với điều kiện chi tiêu thực tế tại các đô thị lớn. Trong bối cảnh chi phí sinh hoạt, đặc biệt là chi phí nhà ở, thực phẩm và y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng gia tăng, mức giảm trừ này có thể chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu chi tiêu tối thiểu của người nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng người phụ thuộc. Khi người phụ thuộc có mức thu nhập 3,5 triệu đồng/tháng, người lao động tại đô thị vẫn phải trích thu nhập của mình để nuôi dưỡng họ. Tuy nhiên, do vướng mức 3 triệu đồng của Thông tư số 87/2026/TT-BTC, khoản chi cấp dưỡng thiết yếu này không được pháp luật công nhận. Nghĩa là, Nhà nước đang đánh thuế trên cả phần thu nhập đã tiêu hao vào sinh hoạt phí - tức là đánh thuế trên "thu nhập ảo". Cơ chế cào bằng này đã chuyển giao toàn bộ gánh nặng an sinh xã hội cho người lao động đô thị.

3.3. Bất cập của mức giảm trừ đối với chi phí y tế và giáo dục

Bên cạnh giảm trừ gia cảnh, Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP cũng áp đặt mức trần cố định đối với chi phí khám chữa bệnh (tối đa 23 triệu đồng/năm) và giáo dục (tối đa 24 triệu đồng/năm). Khi lạm phát y tế và giáo dục tăng cao, giá trị thực tế của mức trần 23, 24 triệu đồng sẽ nhanh chóng sụt giảm, làm giảm thu nhập khả dụng của tầng lớp trung lưu và làm mất đi tính lũy tiến cần thiết của công bằng dọc.

4. Kinh nghiệm quốc tế về bảo đảm công bằng ngang: Trường hợp Úc và Liên minh châu Âu

4.1. Kinh nghiệm cải cách cơ chế giảm trừ gia cảnh của Úc

Tại Úc, cơ chế Bù trừ thuế khu vực (Zone Tax Offset - ZTO) ra đời từ năm 1945 nhằm bù đắp chi phí sinh hoạt cao, sự cô lập và điều kiện khí hậu khắc nghiệt cho cư dân vùng sâu vùng xa. Tuy nhiên, ZTO được thiết lập bằng các hạn mức tiền tuyệt đối. Hậu quả là, từ mức hỗ trợ tương đương 12% thu nhập trung bình tuần vào năm 1945, sự thiếu vắng cơ chế chỉ số hóa đã khiến ưu đãi này bị xói mòn xuống chỉ còn 0,39% thu nhập bình quân vào năm 2018. Báo cáo của Ủy ban Năng suất Úc năm 2020 kết luận cơ chế này đã lỗi thời và không còn đáp ứng được tính công bằng do áp dụng các định lượng cứng nhắc theo thời gian.

4.2. Cơ chế điều chỉnh tự động theo chỉ số giá tại Liên minh châu Âu

Nghiên cứu từ Ủy ban châu Âu khẳng định việc thực thi các cơ chế chỉ số hóa tự động (automatic indexation) là chìa khóa để bù đắp tác động của lực cản tài khóa và xói mòn phúc lợi. Bằng cách tự động điều chỉnh các bậc thuế và ngưỡng giảm trừ theo lạm phát, các quốc gia EU đã ngăn chặn được sự gia tăng bất bình đẳng, bảo vệ thu nhập thực tế của người lao động mà không cần chờ đợi các quy trình sửa đổi luật pháp phức tạp.

5. Đề xuất hoàn thiện pháp luật Thuế TNCN tại Việt Nam

Từ những hạn chế của Thông tư số 87/2026/TT-BTC, Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và bài học kinh nghiệm quốc tế, bài viết đề xuất 3 nhóm giải pháp trọng tâm:

Thứ nhất, loại bỏ "Hiệu ứng vách đá" bằng cơ chế giảm trừ thu hẹp dần (Tapering Mechanism): Thay vì thiết lập mức cứng 3 triệu đồng/tháng để tước bỏ toàn bộ tư cách người phụ thuộc, pháp luật cần thiết kế cơ chế giảm trừ tỷ lệ thuận nghịch. Ví dụ: Thu nhập người phụ thuộc dưới 3 triệu đồng hưởng 100% giảm trừ; phần thu nhập từ 3 đến 6 triệu đồng sẽ làm giảm dần mức được trừ theo một tỷ lệ phần trăm nhất định. Cơ chế này phản ánh đúng thực tế kinh tế và triệt tiêu cú sốc thuế đột ngột.

Thứ hai, thiết lập cơ chế Tự động chỉ số hóa (Automatic Indexation): Để chống lại lực cản tài khóa và xói mòn lợi ích, ngưỡng 3 triệu đồng/tháng, cũng như trần y tế (23 triệu đồng/năm), giáo dục (24 triệu đồng/năm) phải được gắn với chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Khi CPI tích lũy vượt biên độ 10%, Bộ Tài chính có trách nhiệm tự động điều chỉnh các ngưỡng này để duy trì sức mua thực tế.

Thứ ba, hướng tới cơ chế Phân vùng giảm trừ, tương tự như cơ chế Lương tối thiểu vùng, hệ thống thuế cần áp dụng hệ số khu vực để điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh. Điều này nhằm trả lại ranh giới sinh tồn công bằng cho người lao động tại các siêu đô thị, nơi chi phí sinh hoạt vượt xa các khu vực khác.

6. Kết luận

Nguyên tắc công bằng ngang trong thuế thu nhập cá nhân đòi hỏi việc xác định nghĩa vụ thuế phải gắn với năng lực nộp thuế thực tế của người dân, trong đó cần xem xét sự biến động của mức sống và chi phí sinh hoạt. Thực tiễn áp dụng các quy định về mức giảm trừ đối với người phụ thuộc và các khoản chi phí được xem xét trong chính sách thuế hiện hành cho thấy vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện nhằm bảo đảm sự phù hợp giữa nghĩa vụ thuế và điều kiện kinh tế của người nộp thuế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc nghiên cứu cơ chế điều chỉnh mức giảm trừ theo biến động kinh tế, đặc biệt thông qua cơ chế chỉ số hóa phù hợp, có thể là một hướng tiếp cận nhằm nâng cao tính linh hoạt, minh bạch và công bằng của chính sách thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Tài chính (2026). Thông tư số 87/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Chính phủ (2026). Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Quốc hội (2025). Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15, ngày 10/12/2025.

Fullarton L., Pinto D. (2019). In the Zone: Tax Relief for the Australian Bush. *The Tax Specialist*, 22(5), 211-217.

Leventi C., Mazzon A., Orlandi F. (2024). Indexing Wages to Inflation in the EU: Fiscal Drag and Benefit Erosion Effects. *JRC Working Papers on Taxation and Structural Reforms*, No. 8/2024, European Commission, Joint Research Centre, Seville.

Productivity Commission (2020). *Remote Area Tax Concessions and Payments: Study Report*. Australian Government, Canberra.